

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 46

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các văn bản sửa đổi khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm/Tái bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Johan Nyvene	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Thắng Cần	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Đình Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</u>
Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2007
Ông Trịnh Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2007
Ông Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2013
Ông Johan Kruimer	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2007
Ông Fiachra Mac Cana	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2008
Ông Bạch Quốc Vinh	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2010
Ông Arnold V. Pangilinan	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Johan Nyvene, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60790272/17910718

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.463.437.280.168	3.939.812.503.492
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	657.156.819.577	1.717.060.130.176
111	1. Tiền		657.156.819.577	1.717.060.130.176
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	132.174.873.494	197.474.340.107
121	1. Đầu tư ngắn hạn		190.079.349.659	279.720.963.132
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(57.904.476.165)	(82.246.623.025)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	2.669.287.700.463	2.021.465.503.113
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		1.517.336.513	1.796.217.100
132	2. Trả trước cho người bán		511.650.108	3.941.320.615
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		2.680.281.654.037	2.025.959.756.897
138	4. Phải thu ngắn hạn khác		3.696.364.899	6.487.513.595
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.719.305.094)	(16.719.305.094)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.817.886.634	3.812.530.096
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.637.718.956	3.633.259.136
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		180.167.678	179.270.960
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		133.146.147.996	129.991.561.736
220	I. Tài sản cố định		10.305.668.048	6.013.088.125
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	5.406.970.081	4.379.088.951
222	- Nguyên giá		43.397.152.620	40.204.022.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.990.182.539)	(35.824.933.495)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.898.697.967	1.633.999.174
228	- Nguyên giá		28.463.749.200	23.089.878.017
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.565.051.233)	(21.455.878.843)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.807.447.420	2.410.507.676
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.807.447.420	2.410.507.676
260	III. Tài sản dài hạn khác		121.033.032.528	121.567.965.935
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	99.512.289.868	102.687.119.775
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	16.832.583.310	14.332.583.310
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	4.688.159.350	4.548.262.850
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.596.583.428.164	4.069.804.065.228

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.317.034.101.102	1.711.573.455.836
310	I. Nợ ngắn hạn		1.317.034.101.102	1.711.573.455.836
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	654.103.204.781	210.437.041.099
312	2. Phải trả người bán		2.132.789.448	1.861.719.700
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	27.383.031.945	25.004.270.953
316	4. Chi phí phải trả	16	17.066.319.798	24.509.074.595
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	72.050.198.601	70.701.055.922
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	526.864.031.101	1.366.499.871.795
321	7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.148.185.349	2.008.561.292
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		15.286.340.079	10.551.860.480
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	2.279.549.327.062	2.358.230.609.392
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.279.549.327.062	2.358.230.609.392
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		310.343.798.499	310.343.798.499
414	3. Cổ phiếu quỹ		(770.889.458)	(327.808.838)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.961.374.994	3.961.374.994
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		203.572.745.263	182.241.735.237
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		489.874.717.764	589.443.929.500
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.596.583.428.164	4.069.804.065.228

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	345.059.000	345.059.000
005	2. Ngoại tệ các loại	937.626.048	630.227.456
006	3. Chứng khoán lưu ký	9.459.118.460.000	8.014.031.350.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	3.1. Chứng khoán giao dịch	8.605.696.190.000	6.592.209.670.000
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	36.626.890.000	37.433.960.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	8.384.594.290.000	6.406.281.610.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	184.475.010.000	148.494.100.000
012	3.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	40.947.100.000	42.884.600.000
013	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	585.000.000	200.000.000
014	3.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	37.562.100.000	40.484.600.000
015	3.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.800.000.000	2.200.000.000
017	3.3. Chứng khoán cầm cố	561.031.770.000	321.512.960.000
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	537.423.670.000	297.904.860.000
020	3.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	23.608.100.000	23.608.100.000
027	3.4. Chứng khoán chờ thanh toán	237.168.260.000	1.049.305.470.000
028	3.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	3.149.700.000	8.190.000
029	3.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	233.471.460.000	1.049.058.280.000
030	3.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	547.100.000	239.000.000
037	3.5. Chứng khoán chờ giao dịch	14.275.140.000	8.118.650.000
038	3.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	10.000	70.000
039	3.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	11.223.870.000	7.296.370.000
040	3.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	3.051.260.000	822.210.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

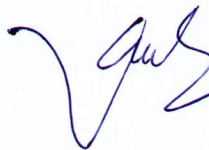
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
050	4. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	864.106.700.000	651.413.380.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	4.1. Chứng khoán giao dịch	852.013.100.000	645.658.480.000
052	4.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	3.541.520.000	2.931.610.000
053	4.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	831.742.550.000	630.781.250.000
054	4.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	16.729.030.000	11.945.620.000
056	4.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	801.500.000	873.500.000
057	4.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	354.000.000
058	4.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	801.500.000	519.500.000
061	4.3. Chứng khoán cầm cố	-	1.300.000.000
063	4.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	-	1.300.000.000
071	4.4. Chứng khoán chờ thanh toán	11.112.100.000	3.401.400.000
073	4.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	11.112.100.000	3.401.400.000
076	4.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	180.000.000	180.000.000
078	4.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	180.000.000	180.000.000
083	5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	44.914.770.000	55.268.770.000



Phạm Ngọc Quang
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính




Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

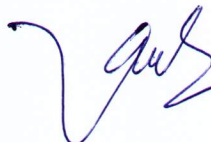
B02-CTCK

VND

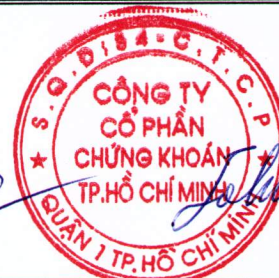
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		591.138.977.810	831.135.291.006
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		262.076.234.335	299.431.882.181
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		35.025.916.039	194.425.395.876
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	19.029.812
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		11.154.708.555	12.362.171.402
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.952.302.881	3.502.787.744
01.9	Doanh thu khác	20	278.929.816.000	321.394.023.991
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		591.138.977.810	831.135.291.006
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	(223.713.900.687)	(262.284.254.449)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		367.425.077.123	568.851.036.557
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(95.952.923.083)	(87.407.721.377)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		271.472.154.040	481.443.315.180
31	7. Thu nhập khác		28.037.441	4.090.909
32	8. Chi phí khác		-	-
40	9. Lợi nhuận khác		28.037.441	4.090.909
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		271.500.191.481	481.447.406.089
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(58.190.091.220)	(105.295.358.840)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		213.310.100.261	376.152.047.249
70	13. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	27	1.677	2.794
71	14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	1.677	2.794



Phạm Ngọc Quang
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính




Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		271.500.191.481	481.447.406.089
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao và hao mòn	21, 22	5.506.890.305	4.255.226.561
03	- (Hoàn nhập)/trích lập khoản dự phòng		(24.342.146.860)	30.267.871.369
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(62.739.762.476)	(119.616.575.866)
06	- Chi phí lãi vay		7.390.345.537	6.488.285.876
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		197.315.517.987	402.842.214.029
09	- Tăng các khoản phải thu		(653.348.260.714)	(627.738.762.673)
10	- Giảm đầu tư ngắn hạn		89.641.613.473	117.744.559.355
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.058.054.310.971)	572.082.214.753
12	- Giảm chi phí trả trước		2.170.370.087	7.528.319.377
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.486.708.265)	(6.951.035.444)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(54.941.674.651)	(123.582.104.212)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	23.1	(20.186.278.609)	(46.791.497.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(1.503.889.731.663)	295.133.907.343
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(9.196.409.972)	(5.308.359.612)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		20.400.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(966.707.400.000)	(1.356.507.877.419)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		968.253.300.000	1.622.629.521.118
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.201.380.385	95.251.810.647
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		56.571.270.413	356.065.094.734

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn cổ phần	18	1.272.567.580.000	1.272.567.580.000	-	-	-	-	1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	18	310.343.798.499	310.343.798.499	-	-	-	-	310.343.798.499	310.343.798.499
3. Cổ phiếu quỹ	18	(123.551.893)	(327.808.838)	(204.256.945)	-	(443.080.620)	-	(327.808.838)	(770.889.458)
4. Quỹ đầu tư phát triển		3.961.374.994	3.961.374.994	-	-	-	-	3.961.374.994	3.961.374.994
5. Quỹ dự phòng tài chính		144.626.530.513	182.241.735.237	37.615.204.724	-	21.331.010.026	-	182.241.735.237	203.572.745.263
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		515.972.461.055	589.443.929.500	376.152.047.249	(302.680.578.804)	213.310.100.261	(312.879.311.997)	589.443.929.500	489.874.717.764
TỔNG CỘNG		2.247.348.193.168	2.358.230.609.392	413.562.995.028	(302.680.578.804)	234.198.029.667	(312.879.311.997)	2.358.230.609.392	2.279.549.327.062



Phạm Ngọc Quang
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính




Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các văn bản sửa đổi khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower số 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 679 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 573 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

▶ Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:

Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▶ Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:

- Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
- Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
- Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
- Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VND các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
- Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
- Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chính sách mới được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC (“Thông tư 95”) ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng. Các khoản cho vay được phân loại thành 5 nhóm và trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ dự phòng quy định đối với từng nhóm. Các khoản cho vay cũng bị yêu cầu trích lập dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của quy định này và sẽ áp dụng khi có hiệu lực.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ trên bảng cân đối kế toán và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 40 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những khoản đầu tư vào những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Tiền lãi của các khoản chứng khoán nợ nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.10.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

3.12 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết sẽ mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi nhận trên các báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận như một khoản mục "Cho vay khách hàng" trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết sẽ bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lợi ích của nhân viên

3.14.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.14.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

3.14.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc USD được đánh giá lại theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.18 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm của công ty chứng khoán.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.21 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	720.277.993	719.861.313
Tiền gửi ngân hàng	656.436.541.584	1.716.340.268.863
Trong đó:		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	163.426.982.820	996.111.796.568
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh số 18)	493.009.558.764	720.228.472.295
TỔNG CỘNG	657.156.819.577	1.717.060.130.176

5. GIÁ TRỊ - KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</u>
a. Của Công ty	177.805.492	4.738.870.993.100
- Cổ phiếu	160.405.492	2.805.456.193.100
- Trái phiếu	17.400.000	1.933.414.800.000
b. Của nhà đầu tư	6.922.034.606	185.567.134.950.845
- Cổ phiếu	6.393.662.885	130.349.625.951.900
- Trái phiếu	528.371.721	55.217.508.998.945
TỔNG CỘNG	7.099.840.098	190.306.005.943.945

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng VND	Giảm VND	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Cổ phiếu niêm yết	3.881.919	80.432.079.611	704.296.557	(7.516.485.414)	73.619.890.754
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.541.535	109.647.270.048	490.925.954	(50.387.990.751)	59.750.205.251
TỔNG CỘNG	8.423.454	190.079.349.659	1.195.222.511	(57.904.476.165)	133.370.096.005

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu năm	82.246.623.025	45.382.091.656
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh số 21)	25.449.339.849	44.894.071.082
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 21)	(49.791.486.709)	(8.029.539.713)
Dự phòng giảm giá cuối năm	57.904.476.165	82.246.623.025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bị giảm giá

Chỉ tiêu	VND					
	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
<i>Cổ phiếu niêm yết:</i>	62.884.748.314	131.290.627.290	(7.516.485.414)	(5.420.132.273)	55.368.262.900	125.870.495.017
Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	20.394.096.921	20.683.396.020	(1.395.535.139)	-	18.998.561.782	20.683.396.020
Công ty CP Dệt May Thành Công (TCM)	17.135.433.133	189.506	(2.016.175.133)	-	15.119.258.000	189.506
Công ty Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM (CII)	12.125.701.577	165.300	(1.204.739.173)	-	10.920.962.404	165.300
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (VTB)	8.168.464.264	8.469.329.905	(2.549.526.264)	(2.777.875.647)	5.618.938.000	5.691.454.258
Các cổ phiếu khác	5.061.052.419	102.137.546.559	(350.509.705)	(2.642.256.626)	4.710.542.714	99.495.289.933
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết:</i>	70.241.999.502	107.434.499.502	(50.387.990.751)	(76.826.490.752)	19.854.008.751	30.608.008.750
NH Thương mại Cổ phần Đông Á	16.967.999.502	16.967.999.502	(11.425.935.501)	(11.425.935.502)	5.542.064.001	5.542.064.000
Công ty CP Địa ốc Tân Bình	12.025.000.000	12.025.000.000	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	6.310.000.000	6.310.000.000
Công ty CP Thủy sản Cà Mau	10.950.000.000	10.950.000.000	(10.365.030.000)	(10.365.030.000)	584.970.000	584.970.000
Công ty CP Chế biến Thủy Sản Xuất Khẩu Minh Hải	8.000.000.000	8.000.000.000	(7.670.000.000)	(7.670.000.000)	330.000.000	330.000.000
Công ty CP Thủy Đặc Sản	7.550.000.000	7.550.000.000	(5.389.983.000)	(5.389.983.000)	2.160.017.000	2.160.017.000
Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	5.442.600.000	5.442.600.000	(4.302.600.000)	(4.302.600.000)	1.140.000.000	1.140.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	4.406.400.000	4.406.400.000	(2.205.560.000)	(2.205.560.000)	2.200.840.000	2.200.840.000
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cần Thơ	4.900.000.000	4.900.000.000	(3.313.882.250)	(3.313.882.250)	1.586.117.750	1.586.117.750
Các cổ phiếu khác	-	37.192.500.000	-	(26.438.500.000)	-	10.754.000.000
TỔNG CỘNG	133.126.747.816	238.725.126.792	(57.904.476.165)	(82.246.623.025)	75.222.271.651	156.478.503.767

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	1.796.217.100	-	1.275.517.100	151.692.912.108	(151.971.792.695)	1.517.336.513	-	1.275.517.100	1.275.517.100
- Phải thu dịch vụ tư vấn	1.666.350.000	-	1.145.650.000	11.515.444.395	(11.794.468.395)	1.387.326.000	-	1.145.650.000	1.145.650.000
- Phải thu hoạt động tự doanh	129.867.100	-	129.867.100	140.177.324.300	(140.177.324.300)	129.867.100	-	129.867.100	129.867.100
- Phải thu khác	-	-	-	143.413	-	143.413	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	3.941.320.615	-	-	3.374.485.058	(6.804.155.565)	511.650.108	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.025.959.756.897	-	15.443.787.994	349.054.303.577.227	(348.399.981.680.087)	2.680.281.654.037	-	15.443.787.994	15.443.787.994
- Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ (i)	1.343.689.148.244	-	-	146.665.487.827.600	(145.504.753.083.888)	2.504.423.891.956	-	-	-
- Phải thu Trung tâm Lưu ký về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán (ii)	639.046.907.550	-	-	197.282.511.326.433	(197.901.762.024.923)	19.796.209.060	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư (iii)	42.977.170.002	-	15.443.787.994	4.720.841.249.694	(4.643.718.749.128)	120.099.670.568	-	15.443.787.994	15.443.787.994
- Phải thu nhà đầu tư nước ngoài	246.531.101	-	-	98.795.594.606	(98.565.340.438)	476.785.269	-	-	-
- Phải thu nhà đầu tư giao dịch cổ phiếu (iv)	-	-	-	286.667.578.894	(251.182.481.710)	35.485.097.184	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	6.487.513.595	-	-	13.808.453.467	(16.599.602.163)	3.696.364.899	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.204.636.976	-	-	4.517.919.741	(7.543.983.105)	2.178.573.612	-	-	-
- Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu (v)	1.164.000.000	-	-	-	-	1.164.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	118.876.619	-	-	9.290.533.726	(9.055.619.058)	353.791.287	-	-	-
TỔNG CỘNG	2.038.184.808.207	-	16.719.305.094	349.223.179.427.860	(348.575.357.230.510)	2.686.007.005.557	-	16.719.305.094	16.719.305.094

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn không quá ba (3) tháng và lãi suất từ 9,5%/năm đến 14,6%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (ii) Đây là các khoản phải thu từ Trung tâm Lưu ký về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong 3 ngày cuối năm.
- (iii) Bao gồm trong số dư cuối năm là khoản nợ khó đòi với số tiền 15.443.787.994 đồng liên quan đến các nghiệp vụ mua cổ phiếu của một công ty mà nhà đầu tư mất khả năng thanh toán. Các nghiệp vụ này đã phát sinh trong các năm trước và khoản dự phòng nợ khó đòi đã được trích lập đầy đủ.
- (iv) Đây là các hợp đồng mua cổ phiếu Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu sang cho Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (v) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu. Công ty đã thực hiện chuyển quyền sở hữu các cổ phiếu này sang cho Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các cổ phiếu này không bị suy giảm giá trị.

7.2 Tình hình trích lập các khoản phải thu khó đòi

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	16.719.305.094	23.315.965.094
Số hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 22)	-	(6.596.660.000)
Số dư cuối năm	<u>16.719.305.094</u>	<u>16.719.305.094</u>

8. NỢ XẤU

	VND			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cá nhân (*)	15.443.787.994	-	15.443.787.994	-
Các khoản khác	1.275.517.100	-	1.275.517.100	-
Tổng cộng	<u>16.719.305.094</u>	<u>-</u>	<u>16.719.305.094</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản nợ khó đòi liên quan đến các nghiệp vụ mua cổ phiếu của một công ty mà nhà đầu tư mất khả năng thanh toán. Nghiệp vụ này đã phát sinh trong các năm trước và khoản dự phòng nợ khó đòi đã được trích lập đầy đủ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	3.474.189.544	36.729.832.902	40.204.022.446
Tăng trong năm	-	4.425.599.045	4.425.599.045
Giảm trong năm	-	(1.232.468.871)	(1.232.468.871)
Số dư cuối năm	<u>3.474.189.544</u>	<u>39.922.963.076</u>	<u>43.397.152.620</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.342.966.144	32.240.166.356	34.583.132.500
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	2.608.534.626	33.216.398.869	35.824.933.495
Tăng trong năm	188.537.232	3.209.180.683	3.397.717.915
Giảm trong năm	-	(1.232.468.871)	(1.232.468.871)
Số dư cuối năm	<u>2.797.071.858</u>	<u>35.193.110.681</u>	<u>37.990.182.539</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>865.654.918</u>	<u>3.513.434.033</u>	<u>4.379.088.951</u>
Số dư cuối năm	<u>677.117.686</u>	<u>4.729.852.395</u>	<u>5.406.970.081</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	23.089.878.017
Tăng trong năm	<u>5.373.871.183</u>
Số dư cuối năm	<u>28.463.749.200</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	21.494.156.067
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	21.455.878.843
Tăng trong năm	<u>2.109.172.390</u>
Số dư cuối năm	<u>23.565.051.233</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>1.633.999.174</u>
Số dư cuối năm	<u>4.898.697.967</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	1.250.712.942	1.217.939.176
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	995.775.902	499.139.705
Chi phí bảo trì	922.614.939	522.090.724
Bản quyền phần mềm	345.556.804	152.343.994
Chi phí sửa chữa nâng cấp văn phòng	300.833.876	318.328.768
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	822.224.493	923.416.769
	<u>4.637.718.956</u>	<u>3.633.259.136</u>
Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng trả trước	98.201.690.504	102.144.206.606
Chi phí cải tạo văn phòng	1.174.321.586	199.544.147
Chi phí vật dụng văn phòng	136.277.778	343.369.022
	<u>99.512.289.868</u>	<u>102.687.119.775</u>
TỔNG CỘNG	<u>104.150.008.824</u>	<u>106.320.378.911</u>

Tiền thuê văn phòng trả trước là khoản tiền còn lại chưa phân bổ của giá trị hợp đồng thuê văn phòng tại AB Tower với diện tích là 1.802 m² cho thời hạn còn lại là 35 năm.

Thay đổi trong chi phí trả trước trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	3.633.259.136	6.110.580.511
Tăng trong năm	35.778.815.895	26.020.747.717
	<u>39.412.075.031</u>	<u>32.131.328.228</u>
Phân bổ trong năm	(34.774.356.075)	(28.498.069.092)
Số dư cuối năm	<u>4.637.718.956</u>	<u>3.633.259.136</u>
Dài hạn		
Số dư đầu năm	102.687.119.775	107.738.117.777
Tăng trong năm	1.515.345.740	629.800.676
	<u>104.202.465.515</u>	<u>108.367.918.453</u>
Phân bổ trong năm	(4.690.175.647)	(5.680.798.678)
Số dư cuối năm	<u>99.512.289.868</u>	<u>102.687.119.775</u>
TỔNG CỘNG	<u>104.150.008.824</u>	<u>106.320.378.911</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước, nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung đến hết năm 2014	10.735.293.399
Tiền lãi nhận được đến hết năm 2014	3.477.289.911
Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.332.583.310
Tiền nộp bổ sung trong năm 2015	1.685.466.261
Lãi nhận được trong năm 2015	814.533.739
Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	16.832.583.310

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (i)	-	-	900.000.000.000	(500.000.000.000)	400.000.000.000	400.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng (ii)	210.437.041.099	210.437.041.099	222.166.147.373	(178.499.983.691)	254.103.204.781	254.103.204.781
TỔNG CỘNG	210.437.041.099	210.437.041.099	1.122.166.147.373	(678.499.983.691)	654.103.204.781	654.103.204.781

(i) Các khoản vay ngân hàng có kỳ hạn một tháng, lãi suất 7%/năm.

(ii) Các khoản vay thấu chi có lãi suất từ 5,8%/năm tới 6,3%/năm.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuyết minh số 23)	15.675.689.311	58.190.091.220	54.941.674.651	18.924.105.880
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	4.622.512.213	45.972.910.377	47.113.063.269	3.482.359.321
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ doanh nghiệp nước ngoài	2.404.746.569	18.868.435.558	18.413.197.318	2.859.984.809
Thuế nhà thầu	1.174.457.245	2.856.933.805	3.070.471.278	960.919.772
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	950.764.440	16.239.017.735	16.418.777.791	771.004.384
Thuế giá trị gia tăng	176.101.175	1.142.359.294	933.802.690	384.657.779
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
	25.004.270.953	143.279.747.989	140.900.986.997	27.383.031.945

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Phụ cấp hoàn thành công việc phải trả cho nhân viên	12.000.000.000	18.000.000.000
Phí môi giới phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	3.953.370.562	4.413.444.803
Chi phí phải trả khác	1.112.949.236	2.095.629.792
	<u>17.066.319.798</u>	<u>24.509.074.595</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	67.479.807.249	67.067.361.859
Kinh phí công đoàn	2.569.676.745	1.970.347.488
Bảo hiểm thất nghiệp	100.888.151	58.817.736
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	40.757.550	109.286.769
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.859.068.906	1.495.242.070
	<u>72.050.198.601</u>	<u>70.701.055.922</u>
Trong đó:		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	33.660.793.601	32.311.650.922
<i>Phải trả cho các bên liên quan (thuyết minh số 24)</i>	38.389.405.000	38.389.405.000

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	493.009.558.764	720.228.472.295
Phải trả NĐT tiền bán chứng khoán chờ về	16.585.598.900	639.100.199.500
Phải trả NĐT đặt cọc mua cổ phiếu	17.170.000.000	7.171.200.000
Phải trả khác về giao dịch chứng khoán	98.873.437	-
	<u>526.864.031.101</u>	<u>1.366.499.871.795</u>
Trong đó:		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	526.839.400.335	1.366.475.453.310
<i>Phải trả cho các bên liên quan (thuyết minh số 24)</i>	24.630.766	24.418.485

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp	1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	310.343.798.499	310.343.798.499
Cổ phiếu quỹ	(770.889.458)	(327.808.838)
TỔNG CỘNG	<u>1.582.140.489.041</u>	<u>1.582.583.569.661</u>

19.2 Phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức đã trả trong năm		
- Cổ tức đợt 2 năm 2014 1.600 đồng/cp	203.181.544.555	-
- Cổ tức đợt 1 năm 2014 500 đồng/cp	63.504.428.955	-
- Cổ tức đợt 2 năm 2013 1.200 đồng/cp	-	152.426.341.195
- Cổ tức trả cho các năm trước	-	19.200.000
TỔNG CỘNG	<u>266.685.973.510</u>	<u>152.445.541.195</u>

19.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	127.256.758	127.256.758
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	127.256.758	127.256.758
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	127.256.758	127.256.758
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	71.341	27.175
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	127.185.417	127.229.583

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. DOANH THU KHÁC

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	219.351.065.116	244.351.278.978
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	54.718.577.175	67.240.846.714
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.285.351.413	4.434.997.453
Doanh thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	-	3.040.279.838
Doanh thu khác	1.574.822.296	2.326.621.008
TỔNG CỘNG	<u>278.929.816.000</u>	<u>321.394.023.991</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	88.478.764.888	92.922.418.194
Chi phí môi giới chứng khoán	54.902.667.474	59.515.773.909
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	49.496.478.969	16.384.828.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.418.066.016	26.494.009.818
Chi phí tư vấn quản lý thuê ngoài	9.757.443.491	12.560.055.469
Chi phí lãi vay	7.390.345.537	2.302.083.333
Chi phí lưu ký chứng khoán	4.025.649.485	3.559.399.407
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	2.870.443.429	1.279.280.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.176.177.440	1.645.673.885
Chi phí khác	1.540.010.818	4.569.998.112
Chi phí hoạt động bán và cam kết mua lại trái phiếu	-	4.186.202.543
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	25.449.339.849	44.894.071.082
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(49.791.486.709)	(8.029.539.713)
TỔNG CỘNG	<u>223.713.900.687</u>	<u>262.284.254.449</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	52.910.472.825	54.000.342.982
Chi phí thuê văn phòng	20.079.286.165	15.486.840.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.860.913.409	17.405.906.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.330.712.865	2.609.552.676
Chi phí công cụ và đồ dùng văn phòng	730.844.250	652.149.080
Chi phí cải tạo và sửa chữa văn phòng	445.755.732	415.980.096
Thuế, phí và lệ phí	337.145.376	251.997.184
Chi phí khác	2.257.792.461	3.181.612.667
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(6.596.660.000)
TỔNG CỘNG	<u>95.952.923.083</u>	<u>87.407.721.377</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2014: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.810.888.290	105.295.358.840
Điều chỉnh thuế TNDN do hoàn nhập dự phòng giảm giá OTC năm 2008	(620.797.070)	-
TỔNG CỘNG	58.190.091.220	105.295.358.840

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty trong năm được tính như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.500.191.481	481.447.406.089
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
- Chi phí không được khấu trừ	1.154.767.860	1.292.420.014
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(5.332.739.846)	(4.124.558.645)
Thu nhập chịu thuế ước tính	267.322.219.495	478.615.267.458
Thuế TNDN ước tính	58.810.888.290	105.295.358.840
Điều chỉnh thuế TNDN do hoàn nhập dự phòng giảm giá OTC năm 2008	(620.797.070)	-
Thuế TNDN phải trả ước tính	58.190.091.220	105.295.358.840
Thuế TNDN phải trả đầu năm	15.675.689.311	33.962.434.683
Thuế TNDN đã trả trong năm	(54.941.674.651)	(123.582.104.212)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	18.924.105.880	15.675.689.311

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 30,87% cổ phần Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của DC Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là đại diện phần vốn của DC
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 29,47% cổ phần Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của HFIC Ủy viên HĐQT của Công ty là Phó phòng tài chính kế toán của HFIC
Vietnam Debt Fund SPC (VDF)	Công ty con của DC
Vietnam Enterprise Investments	Công ty con của DC
Amersham Industries Limited	Công ty con của DC
Vietnam Property Fund Limited	Công ty con của DC
Cam Vietnam Mother Fund	Công ty con của DC
DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Công ty con của DC

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ tức đã trả	82.485.501.000	66.773.977.000
	Môi giới bán chứng khoán	70.436.770.000	115.725.500.000
	Chi phí phí tư vấn	9.618.991.691	10.710.271.469
	Doanh thu phí môi giới	105.655.155	23.145.100
	Bán trái phiếu	-	55.583.000.000
	Môi giới mua chứng khoán	-	30.150.000.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ tức đã trả	78.750.000.000	63.750.000.000
	Môi giới bán chứng khoán	-	54.776.917.000
	Doanh thu phí môi giới	-	82.165.414
Vietnam Debt Fund SPC.	Môi giới mua chứng khoán	312.443.000.000	55.583.000.000
	Môi giới bán chứng khoán	305.571.036.000	234.358.000.000
	Doanh thu phí môi giới	164.906.482	57.988.200
	Mua cam kết bán lại trái phiếu (giao dịch mua)	-	50.000.000.000
	Bán cam kết mua lại trái phiếu (giao dịch bán)	-	45.201.933.330

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vietnam Enterprise Investments Limited	Môi giới bán chứng khoán	852.530.825.880	1.108.671.899.800
	Môi giới mua chứng khoán	295.550.719.600	626.913.839.100
	Doanh thu phí môi giới	1.722.122.409	2.603.378.913
Cam Vietnam Mother Fund	Môi giới bán chứng khoán	298.402.500.000	425.575.360.752
	Môi giới mua chứng khoán	198.587.753.000	78.901.910.000
	Doanh thu phí môi giới	723.417.899	686.055.914
Amersham Industries Limited	Môi giới bán chứng khoán	573.694.428.940	957.086.392.360
	Môi giới mua chứng khoán	177.658.936.820	270.424.735.000
	Doanh thu phí môi giới	1.127.030.325	1.901.266.983
Vietnam Property Fund Limited	Môi giới bán chứng khoán	64.959.176.200	112.611.773.480
	Doanh thu phí môi giới	97.438.764	168.917.661
DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Môi giới bán chứng khoán	85.969.849.300	43.765.257.000
	Môi giới mua chứng khoán	47.363.399.000	72.622.537.000
	Doanh thu phí môi giới	199.999.952	174.581.761
Các nhân viên Quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc)	Thu nhập và thù lao	17.546.041.623	18.398.371.308

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ tức phải trả	(19.639.405.000)	(19.639.405.000)
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ tức phải trả	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)
	Tiền gửi giao dịch chứng khoán	(24.630.766)	(24.418.485)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	VND						
	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tự vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Không phân bổ	Tổng cộng
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	266.028.537.216	35.025.916.039	11.154.708.555	277.354.993.704	1.574.822.296	-	591.138.977.810
2. Các chi phí trực tiếp	101.101.518.819	30.875.079.389	5.548.680.052	175.995.681.833	638.973.372	-	314.159.933.465
3. Chi phí khấu hao	2.295.180.408	21.880.404	14.288.568	3.164.053.449	11.487.476	-	5.506.890.305
4. Lợi nhuận khác	-	-	-	-	28.037.441	-	28.037.441
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	162.631.837.989	4.128.956.246	5.591.739.935	98.195.258.422	952.398.889	-	271.500.191.481
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>							
1. Tài sản bộ phận	93.344.545.636	132.174.873.494	1.387.326.000	3.253.384.819.724	991.738.303	-	3.481.283.303.157
2. Tài sản phân bổ	88.160.519.140	1.122.042.972	1.602.918.530	1.763.210.382	16.189.477.150	-	108.838.168.174
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	6.461.956.833	6.461.956.833
Tổng tài sản	181.505.064.776	133.296.916.466	2.990.244.530	3.255.148.030.106	17.181.215.453	6.461.956.833	3.596.583.428.164
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	531.223.994.522	-	-	655.006.842.053	964.638.682	-	1.187.195.475.257
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	129.838.625.845	129.838.625.845
Tổng nợ phải trả	531.223.994.522	-	-	655.006.842.053	964.638.682	129.838.625.845	1.317.034.101.102

Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty đang thuê các văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Tại thành phố Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower, số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1.
- Văn phòng chi nhánh tại tầng 1, số 6 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1.
- Phòng giao dịch tại 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1.
- Phòng giao dịch tại 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5.
- Phòng giao dịch tại tầng trệt, tòa nhà Centre Point, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận.
- Kho lưu trữ chứng từ tại 81 đường 42, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2.

Tại Hà Nội:

- Văn phòng chi nhánh tại 66A Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm.
- Phòng giao dịch tại tầng 18 tòa nhà VCCI, Số 9, Đường Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa.
- Phòng giao dịch tại tầng 6, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa.
- Kho lưu trữ chứng từ tại P803, Tầng 8 CT5, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 1 năm	14.971.363.980	10.113.773.140
Trên 1 năm đến 5 năm	32.425.760.135	23.221.002.507
Trên 5 năm	-	354.665.228
TỔNG CỘNG	<u>47.397.124.115</u>	<u>33.689.440.875</u>

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế - VND	213.310.100.261	376.152.047.249
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND	-	20.688.362.599
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	213.310.100.261	355.463.684.650
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	127.201.122	127.232.806
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.677	2.794
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu - VND	1.677	2.794

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2015 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và đầu tư trái phiếu của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản vay trong năm này có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 80.432.079.611 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 131.920.049.245 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 6.273.702.210 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.289.763.841 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 6.273.702.210 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.289.763.841 đồng Việt Nam).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VND		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	-	654.103.204.781	654.103.204.781
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	509.694.031.101	17.170.000.000	526.864.031.101
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.132.789.448	70.650.748.906	72.783.538.354
Chi phí phải trả	-	5.066.319.798	5.066.319.798
	<u>511.826.820.549</u>	<u>746.990.273.485</u>	<u>1.258.817.094.034</u>
Số dư đầu năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.359.328.671.795	7.171.200.000	1.366.499.871.795
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.751.650.573	68.995.722.012	71.747.372.585
Chi phí phải trả	-	6.509.074.595	6.509.074.595
	<u>1.362.080.322.368</u>	<u>82.675.996.607</u>	<u>1.444.756.318.975</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu làm tài sản thế chấp cho khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 14).

Công ty nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC đối với các công cụ tài chính:

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
Tài sản tài chính							
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh							
- Cổ phiếu niêm yết	80.432.079.611	(7.516.485.414)	131.920.049.245	(5.420.132.273)	73.619.890.754	126.751.111.400	
- Cổ phiếu chưa niêm yết	109.647.270.048	(50.387.990.751)	147.800.913.887	(76.826.490.752)	59.750.205.251	71.786.628.750	
Tiền gửi ngắn hạn	631.900.000.000	-	1.482.000.000.000	-	631.900.000.000	1.482.000.000.000	
Phải thu khách hàng	2.685.453.094.032	(16.719.305.094)	2.034.223.315.602	(16.719.305.094)	2.685.453.094.032	2.034.223.315.602	
Các khoản tài sản tài chính khác	4.713.857.950	-	4.588.661.450	-	4.713.857.950	4.588.661.450	
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.256.819.577	-	235.060.130.176	-	25.256.819.577	235.060.130.176	
TỔNG CỘNG	3.537.403.121.218	(74.623.781.259)	4.035.593.070.360	(98.965.928.119)	3.480.693.867.564	3.954.409.847.378	

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính							
Vay và nợ	654.103.204.781	210.437.041.099	654.103.204.781	210.437.041.099	654.103.204.781	210.437.041.099	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	526.839.400.335	1.366.475.453.310	526.839.400.335	1.366.475.453.310	526.839.400.335	1.366.475.453.310	
Chi phí phải trả	5.066.319.798	6.509.074.595	5.066.319.798	6.509.074.595	5.066.319.798	6.509.074.595	
Phải trả cho các bên có liên quan	38.414.035.766	38.413.823.485	38.414.035.766	38.413.823.485	38.414.035.766	38.413.823.485	
Phải trả khác	34.394.133.354	33.357.967.585	34.394.133.354	33.357.967.585	34.394.133.354	33.357.967.585	
TỔNG CỘNG	1.258.817.094.034	1.655.193.360.074	1.258.817.094.034	1.655.193.360.074	1.258.817.094.034	1.655.193.360.074	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch hoặc dựa trên ít nhất ba (03) báo giá từ các công ty chứng khoán lớn và có uy tín. Trong trường hợp không có ít nhất ba báo giá, Công ty dựa trên các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường hoặc dựa vào khả năng tài chính của đối tác để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200/TT-BTC của báo cáo tài chính của năm nay như sau:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tiền	(i)	1.506.623.089.077	210.437.041.099	1.717.060.130.176
Vay và nợ ngắn hạn	(i)	-	210.437.041.099	210.437.041.099
BÁO CÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(ii)	2.956		2.794
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(ii)	-		2.794
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	(i)	350.000.000.000	210.437.041.099	560.437.041.099

- (i) Phân loại và trình bày lại khoản vay thấu chi ngân hàng.
- (ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính lại do ảnh hưởng của khoản quỹ khen thưởng và phúc lợi (Xem thuyết minh 27).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Phạm Ngọc Quang
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính



Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016